

Thứ ba, ngày 7 tháng 3 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index nổi dài đà tăng điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/3/2023		●	
Tuần 6/3-10/3/2023		●	
Tháng 03/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-index có một phiên hồi phục nhẹ với thanh khoản gia tăng trong phiên giao dịch hôm nay. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với số mã tăng áp đảo số mã bán. Thị trường có 18/19 ngành tăng điểm với mũi nhọn đến từ nhóm Viễn thông và Tài Nguyên cơ bản. Khối ngoại mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường đang phản ứng tích cực với thông tin của nghị định 08. VN-Index nhiều khả năng vẫn sẽ duy trì xu hướng tích lũy khi các nhà đầu tư đang chờ đợi thông tin về mùa KQKD năm 2022 vào cuối tháng 03.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 7/3/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+10.66** điểm, đóng cửa **1037.84** điểm. HNX-Index **+0.94** điểm, đóng cửa **207.5** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.4)**, **MSN (+1.39)**, **VCB (+1.07)**, **HPG (+1.02)**, **CTG (+0.78)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCF (-0.12)**, **NVL (-0.1)**, **DIG (-0.09)**, **TCB (-0.09)**, **HVN (-0.06)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **7,037** tỷ đồng, tăng **14.11%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **8,251** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **16.74** điểm. Thị trường có **210** mã tăng, **84** mã tham chiếu, **160** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **156.68** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (65.91 tỷ)**, **CTG (39.94 tỷ)**, **HDB (36.54 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **48.92** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1037.84**
Giá trị: 7036.86 tỷ **10.66 (1.03%)**
Khối ngoại (ròng): 156.68 tỷ

HNX-INDEX **207.50**
Giá trị: 664.71 tỷ **0.94 (0.46%)**
Khối ngoại (ròng): 48.92 tỷ

UPCOM-INDEX **76.17**
Giá trị: 208.17 tỷ **0.17 (0.22%)**
Khối ngoại (ròng): -1.79 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	80.5	0.10%
Giá vàng	1,844	-0.16%
Tỷ giá USD/VND	23,650	-0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,202	-0.36%
Tỷ giá JPY/VND	174	0.06%
LS liên NH 1 tháng	7.1%	0.24%
LS TPCP 5 năm	3.7%	-0.26%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	65.91	HPG	-52.99
CTG	39.94	DGW	-13.62
HDB	36.54	DCM	-12.13
HSG	24.70	SAB	-11.97
SSI	22.04	KDC	-11.61

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Phân tích kỹ thuật	Trang 3
Hiệu suất PTKT	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Danh mục BSC30	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 7/3

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	80.50	1.03%	6.37%	4.02%	-30.48%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	86.44	0.71%	5.36%	3.68%	-27.28%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.79	1.54%	8.08%	5.98%	-20.86%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1846.97	-0.43%	1.63%	-1.43%	-7.56%		PNJ
Bạc	Ounce	21.03	-0.99%	1.97%	-5.22%	-18.04%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1541.00	0.69%	1.50%	1.70%	-7.14%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	684.75	-1.72%	-1.62%	-8.67%	-45.33%	AFX	
Sữa	Cwt	17.84	0.51%	-0.06%	0.39%	-21.10%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	139.30	-0.64%	3.11%	-0.29%	-21.65%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	321.25	-4.53%	-15.07%	-16.50%	-54.24%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Chè	Kg	16.61	-2.27%	-1.37%	-4.95%	4.33%		
Cà phê	LB	182.00	0.66%	-4.08%	2.80%	-19.29%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	4.09	0.19%	1.92%	0.18%	-13.47%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	4206.00	-0.92%	0.31%	5.71%	-17.29%		HPG
Nhôm	Ton	2392.00	-0.54%	1.23%	-5.25%	-36.04%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	129.00	0.00%	-0.39%	2.79%	-17.31%	HPG	
Than đá	Ton	182.00	-2.75%	-7.38%	-28.81%	-56.94%	HT1,HPG	HLC, NBC, TNT, THT

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 2/3, dầu thô Brent tăng 44 US cent hay 0.5% lên 84.75 USD/thùng. Dầu thô WTI tăng 47 US cent hay 0.6% lên 78.16 USD/thùng.
- Giá dầu tăng bởi những dấu hiệu sự phục hồi kinh tế mạnh mẽ tại Trung Quốc và lo lắng về việc tăng lãi suất mạnh của Mỹ giảm đi.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.1% xuống 1,835.03 USD/ounce sau khi tăng trong 3 phiên trước. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 4 đóng cửa giảm 0.3% xuống 1,840.5 USD/ounce.
- Giá vàng giảm do số liệu việc làm hàng tuần của Mỹ cho thấy thị trường lao động tốt lên có thể khiến Cục Dự trữ Liên bang theo chu kỳ tăng lãi suất, củng cố USD và lợi suất trái phiếu Kho bạc.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa tăng 1.56% lên 912.5 CNY (132.19 USD)/tấn, cao nhất kể từ 23/2. Hợp đồng này đã tăng gần 2.5% trong phiên liền trước. Tại Singapore, quặng sắt giao tháng 4 giảm 0.03% xuống 126.05 USD/tấn.
- Giá quặng sắt Đại Liên tiếp tục tăng phiên thứ hai liên tiếp, do tâm lý thị trường cải thiện sau khi bỏ những hạn chế sản xuất tại các thành phố sản xuất thép chủ chốt và do số liệu sản xuất của Trung Quốc tốt hơn dự kiến.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 5 đóng cửa giảm 1.35 US cent hay 0.7% xuống 1.822 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 5 tăng 3 USD hay 0.1% lên 2,180 USD/tấn, với nguồn cung khan hiếm bởi xuất khẩu từ Việt Nam giảm trong hai tháng đầu năm 2023.

Thị trường chứng khoán thế giới

	7/3	% 7/3	6/3	% 6/3	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1037.84	1.04%	1027.18	-10.18%	1.28%	-3.65%
S&P 500			4048.42	0.07%	1.66%	-1.72%
HĐTL S&P500	4060.50	0.20%	4052.50	10.10%	2.14%	-3.13%
Shang-hai	3285.10	-1.11%	3322.03	6.57%	0.17%	0.66%
Euro Stoxx	4313.68		4313.78	25.12%	1.78%	1.31%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Phân tích kỹ thuật

HPG_Tin hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD đang có xu hướng cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: xu hướng tăng

Nhận định: HPG có một phiên giao dịch tăng điểm tốt sau ba phiên giảm điểm trước đó, thanh khoản cải thiện duy trì vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI cho thấy xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu đã ở trên đường MA20 và M50 và đường MA20 vẫn đang duy trì xu hướng ở trên đường MA50. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 21.1, chốt lãi tại ngưỡng 24.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 19.8.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

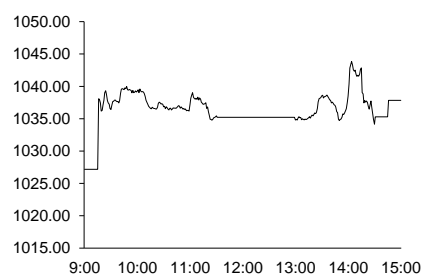
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	9.79%
Tài nguyên Cơ bản	2.46%
Dịch vụ tài chính	2.03%
Thực phẩm và đồ uống	1.65%
Ngân hàng	1.29%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.73%
Công nghệ Thông tin	0.68%
Xây dựng và Vật liệu	0.59%
Dầu khí	0.57%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.53%
Ô tô và phụ tùng	0.51%
Y tế	0.37%
Hóa chất	0.35%
Bán lẻ	0.33%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.28%
Bất động sản	0.26%
Du lịch và Giải trí	0.20%
Bảo hiểm	0.13%
Truyền thông	-0.07%

Hình 1

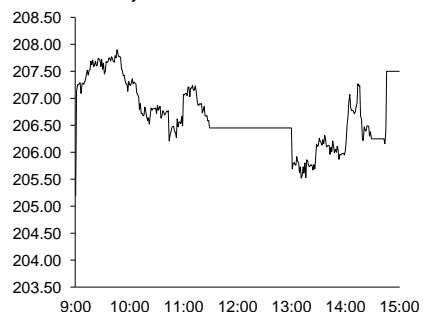
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
		cửa tại ngày ra báo cáo						
3/2/2023	DDV	8.6	10	8	8.3	5	-3.49%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
12/15/2022	TLG	51.1	60	45.5	51	82	-0.20%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

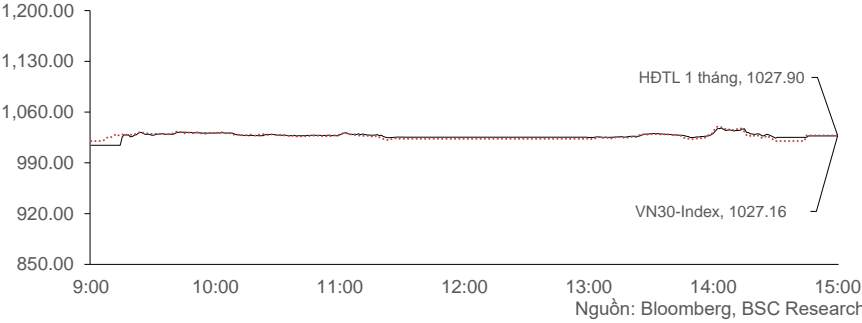
Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

b\	Mã CK	Giá đóng	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
		cửa tại ngày ra báo cáo					
31/1/23	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
19/12/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
16/12/22	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
18/8/22	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
19/5/22	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thông kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	2	0.00%	-1.84%	-1.84%	44
Cổ phiếu đã chốt	250	231	7.06%	-7.47%	3.99%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2309	1023.90	1.98%	-3.26	-5.6%	117	9/21/2023	200
VN30F2304	1024.00	1.89%	-3.16	68.2%	3,764	4/20/2023	46
VN30F2303	1027.90	1.77%	0.74	19.8%	448,293	3/16/2023	11
VN30F2306	1023.90	1.90%	-3.26	-36.6%	116	6/15/2023	102

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 12.9 điểm lên 1027.16 điểm, biên độ dao động 13.95 điểm. Các cổ phiếu như MSN, HPG, VPB, HDB, và SSI đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 tiếp tục kết phiên trong sắc xanh và tăng +1.27% so với phiên trước đó. Thanh khoản thị trường cho thấy tín hiệu tích cực khi nằm trên đường MA20. Khuyến nghị NĐT giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HDTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, VN30F2306 và VN30F2309 giảm, các hợp đồng còn lại đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2303 giảm, các hợp đồng còn lại đều tăng.

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
MSN	78.30	5.24	2.61
HPG	21.10	3.43	2.34
VPB	17.40	1.75	1.47
HDB	18.50	2.78	0.92
SSI	19.40	3.47	0.71

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
TCB	27.1	-0.37	-0.24
NVL	10.9	-1.81	-0.22
VIB	20.6	0.00	0.00
BCM	84.0	0.36	0.01
PLX	39.0	0.26	0.01

Source: Bloomberg, BSC Research

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2218	3/31/2023	24	2:1	433,100	51.07%	2,100	110	22.22%	193	0.57	28,600	28,000	25,000
CHPG2226	9/5/2023	182	2:1	235,900	50.75%	2,300	2,250	11.94%	1,990	1.13	23,980	19,500	21,100
CHPG2227	11/1/2023	239	2:1	248,900	50.75%	2,400	2,270	9.66%	1,991	1.14	25,020	-	21,100
CMSN2215	9/5/2023	182	10:1	103,600	42.01%	2,600	510	8.51%	302	1.69	114,500	102,000	78,300
CSTB2215	3/28/2023	21	5:1	403,600	51.07%	1,100	680	7.94%	610	1.12	26,372	22,222	25,000
CHPG2225	6/6/2023	91	3:1	586,100	50.75%	1,550	1,470	7.30%	1,587	0.93	21,440	17,000	21,100
CVRE2221	11/1/2023	239	4:1	65,300	45.36%	2,100	800	6.67%	553	1.45	36,580	32,500	26,600
CVPB2214	9/5/2023	182	4:1	154,500	38.88%	1,100	800	5.26%	567	1.41	20,880	17,000	17,400
CFPT2212	6/6/2023	91	10:1	79,600	26.36%	1,870	1,150	4.55%	1,041	1.10	84,400	70,000	78,800
CSTB2225	11/1/2023	239	2:1	55,700	51.07%	2,900	3,750	3.31%	3,389	1.11	28,280	20,500	25,000
CSTB2224	9/5/2023	182	2:1	295,800	51.07%	2,700	3,610	3.14%	3,305	1.09	27,200	20,000	25,000
CMWG2215	11/1/2023	239	10:1	66,600	45.58%	1,300	680	3.03%	433	1.57	54,800	45,000	39,700
CPOW2210	6/6/2023	91	1:1	115,800	42.66%	1,870	900	2.27%	922	0.98	13,980	13,000	12,550
CFPT2210	8/31/2023	177	10:1	171,600	26.36%	2,350	500	2.04%	258	1.94	96,700	90,000	78,800
CHPG2302	9/27/2023	204	2:1	32,600	50.75%	2,120	2,520	0.40%	1,966	1.28	25,260	20,000	21,100
CMBB2213	6/6/2023	91	3:1	244,600	40.89%	1,550	800	0.00%	565	1.42	19,970	17,000	17,400
CHPG2221	3/31/2023	24	4:1	2,268,600	50.75%	1,000	20	0.00%	35	0.56	25,320	25,000	21,100
CVPB2212	8/31/2023	177	2.66:1	148,100	38.88%	1,700	290	0.00%	116	2.50	25,710	24,644	17,400
CMWG2214	9/5/2023	182	10:1	114,100	45.58%	1,100	480	-2.04%	302	1.59	54,400	46,500	39,700
CVRE2216	8/31/2023	177	4:1	129,100	45.36%	1,650	420	-4.55%	505	0.83	33,880	31,000	26,600
Tổng				5,953,200	44.80%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 7/3/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2224 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 20.83%. Giá trị giao dịch tăng 28.83%. CSTB2224 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 20.83%.
- CSTB2215, CVNM2207, CTPB2204, và CVRE2211 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHDB2208, CVNM2207, CSTB2215, và CMSN2212 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CSTB2225, CVNM2211, và CHPG2225 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	46.90	2.40	1.40	1.63MLN
MSN	78.30	5.24	1.39	1.89MLN
VCB	91.90	0.99	1.07	970300
HPG	21.10	3.43	1.02	29.32MLN
CTG	29.00	2.29	0.78	2.88MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCF	241.80	-7.00	0	100.00
NVL	10.85	-1.81	0	15.78MLN
DIG	11.95	-4.78	0	10.81MLN
TCB	27.10	-0.37	0	2.34MLN
HVN	12.40	-0.80	0	511800

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TPC	7.66	6.98	0.00	100.00
CLW	30.90	6.92	0.01	5500
EIB	19.50	6.85	0.39	4.89MLN
HOT	26.05	6.76	0.00	2300
LEC	5.71	6.73	0.00	400

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCF	241.80	-7.00	-0.12	100
NVL	10.85	-1.81	-0.10	15.78MLN
DIG	11.95	-4.78	-0.09	10.81MLN
TCB	27.10	-0.37	-0.09	2.34MLN
HVN	12.40	-0.80	-0.06	511800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	17.20	4.24	0.58	15900.00
SHS	8.50	2.41	0.25	7.05MLN
KSF	44.60	1.83	0.20	33100
DNP	24.50	5.60	0.19	1600.00
IDC	39.00	1.04	0.15	1.53MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	14.50	-2.03	-0.36	7900
HUT	15.00	-2.60	-0.22	1.49MLN
VIF	13.50	-9.40	-0.08	100
PGS	25.40	-4.51	-0.06	100
CEO	20.40	-0.97	-0.06	4.70MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LBE	16.50	10.0	0.00	1100
TMX	11.00	10.0	0.00	100
SFN	22.10	10.0	0.00	100
PRC	64.50	9.9	0.01	43700
PIA	25.80	9.8	0.01	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CKV	12.70	-9.93	0.00	100
BPC	10.40	-9.57	0.00	1200
ALT	14.30	-9.49	-0.01	1200
TPP	9.60	-9.43	-0.03	100
VIF	13.50	-9.40	-0.08	100

Hình 2

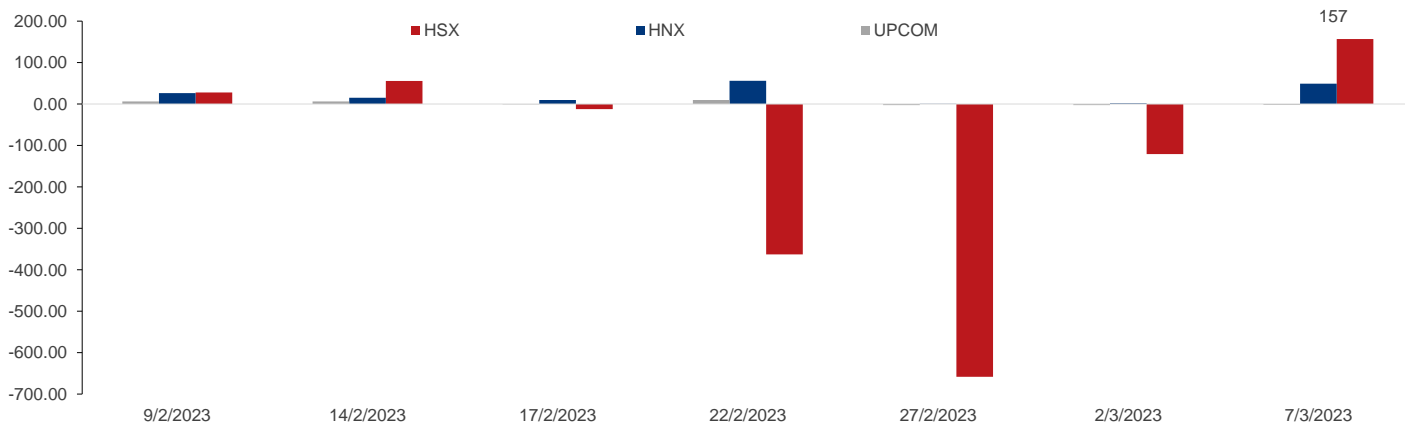
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

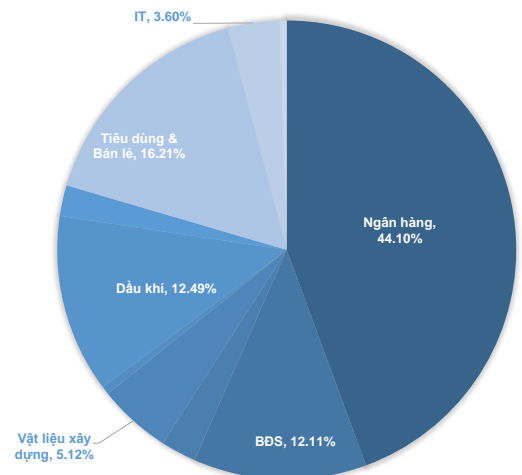


Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
VCB	Ngân hàng	91.9	1.0%	0.8	18,909	3.9	6,316	14.5	3.2	23.6%	24.2%
CTG	Ngân hàng	29.0	2.3%	1.2	6,059	3.6	3,518	8.2	1.3	28.0%	16.9%
VPB	Ngân hàng	17.4	1.8%	1.2	5,079	10.0	2,722	6.4	1.2	17.6%	20.7%
TCB	Ngân hàng	27.1	-0.4%	1.4	4,144	2.8	5,737	4.7	0.8	22.5%	19.7%
ACB	Ngân hàng	24.5	0.8%	1.1	3,598	5.0	4,053	6.0	1.4	30.0%	26.5%
MBB	Ngân hàng	17.4	0.6%	1.1	3,430	4.7	3,856	4.5	1.0	23.2%	25.8%
STB	Ngân hàng	25.0	0.4%	1.4	2,049	16.9	2,674	9.3	1.2	29.1%	13.8%
SSI	Chứng khoán	19.4	3.5%	1.7	1,264	13.5	1,456	13.3	1.3	0.428125	9.3%
GVR	BDS KCN	14.4	1.4%	1.8	2,504	0.4	955	15.1	1.2	0.5%	7.9%
HPG	Vật liệu xây dựng	21.1	3.4%	1.0	5,334	26.8	1,459	14.5	1.3	23.4%	9.1%
HSG	Vật liệu xây dựng	16.1	4.9%	2.1	419	17.1	(1,776)		0.9	10.1%	-10.0%
VHM	BDS	42.3	0.5%	0.9	8,008	3.1	6,575	6.4	1.3	23.9%	21.3%
VRE	BDS	26.6	1.7%	0.4	2,628	2.6	1,222	21.8	1.8	32.5%	8.7%
NLG	BDS	25.6	0.0%	1.5	427	0.7	1,274	20.1	1.1	45.2%	5.8%
DPM	Phân bón	34.0	-0.9%	1.5	578	1.7	14,039	2.4	1.0	18.4%	45.8%
GAS	Dầu khí	104.5	0.8%	0.7	8,696	0.9	7,647	13.7	3.3	3.0%	26.7%
PLX	Dầu khí	39.0	0.3%	0.8	2,154	1.2	1,156	33.7	2.0	18.1%	6.0%
BSR	Dầu khí	16.7	1.2%	1.6	2,251	3.6	2,108	7.9	1.4	41.1%	19.1%
PVS	Dầu khí	26.8	0.8%	1.3	557	5.6	1,501	17.9	1.1	20.1%	6.0%
PVT	Dầu khí	21.1	1.4%	1.3	297	1.4	2,587	8.2	1.1	18.3%	14.9%
POW	Tiện ích	12.6	0.8%	1.2	1,278	4.3	809	15.5	1.0	6.2%	6.4%
REE	Tiện ích	67.4	0.6%	0.8	1,041	0.2	7,563	8.9	1.5	49.0%	18.7%
VNM	Tiêu dùng	75.8	1.1%	0.4	6,888	3.9	3,632	20.9	5.3	55.8%	24.1%
MSN	Tiêu dùng	78.3	5.2%	1.2	4,847	6.4	2,515	31.1	4.3	30.5%	12.1%
MWG	Bán lẻ	39.7	0.8%	1.3	2,526	2.7	2,830	14.0	2.4	49.0%	18.5%
PNJ	Bán lẻ	79.3	1.0%	0.8	1,131	0.4	6,073	13.1	3.0	49.0%	24.7%
FRT	Bán lẻ	69.9	0.0%	1.3	360	1.2	3,295	21.2	4.1	28.7%	21.3%
VHC	Thủy sản	55.6	-1.4%	1.2	443	0.9	10,842	5.1	1.4	30.4%	29.7%
GMD	Logistics	49.5	1.1%	0.7	649	0.2	3,037	16.3	2.2	48.9%	13.8%
FPT	Công nghệ	78.8	0.8%	0.8	3,759	2.7	4,838	16.3	4.1	49.0%	24.8%

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
11	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
15	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
16	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
17	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
19	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
21	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
22	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
24	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
25	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
26	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
27	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
28	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
29	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
30	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
33	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
36	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
39	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
40	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
42	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
44	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639